

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2020/DS-PT

Ngày 14 - 12 - 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Lệ Thuỷ

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Đức Hòa

Ông Đoàn Ngọc Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 163/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2020/QĐ-PT ngày 25-11-2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình Đ1, sinh năm 19xx – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Đình Đủ. Địa chỉ: Tổ X, ấp V, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình Đ1: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Tổ X, ấp V, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1958, bà Nguyễn Thị C, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Tổ c, ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Ông Đ, bà C có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phú Thị C1, sinh năm 19xx.

3.2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 19xx.

3.3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 19xx.

3.4. Ông Nguyễn Đình C2, sinh năm 19xx.

Cùng địa chỉ: Tổ X, ấp V, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Bà C1, bà H, ông C2 có đơn xin vắng mặt; bà G có mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn Đ, sinh năm 1958.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Đình Đ1 (Chủ hộ kinh doanh) và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 05/01/2020, ông Nguyễn Đình Đ1 (Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Đình Đ1) có tổ chức nấu ăn buổi tiệc cưới cho con trai ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Cn, số lượng 30 bàn, giá mỗi bàn tiệc 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng, tổng cộng số tiền 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng. Tuy nhiên, từ khi nấu ăn xong cho đến nay ông Đ, bà C không chịu trả số tiền cho ông Đ1. Bà Nguyễn Thị G (con gái ông Đ1) người đứng ra tổ chức nấu bữa tiệc đó. Ông Đ1 vì tin tưởng vợ chồng ông Đ nên đã không làm hợp đồng dịch vụ nhưng trong biên bản hòa giải của Ban lãnh đạo ấp P, xã H vợ chồng ông Đ đã thừa nhận ông Đ1 có nấu tiệc cho vợ chồng ông Đ.

Nay, ông Đ1 khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà C phải trả số tiền 45.000.000 đồng và trả lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày cung ứng dịch vụ đến thời điểm xét xử, cụ thể ông Đ1 chỉ yêu cầu tính lãi suất 7 tháng.

Theo bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng của bị đơn ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị C trình bày:

Ngày 05/01/2020, vợ chồng ông Đ có tổ chức đám cưới cho con trai. Vợ chồng ông Đ có đặt Nhà hàng TG của ông Đ1, số lượng 30 bàn tiệc, với giá 1.600.000 đồng nhưng bà G (con gái ông Đ1) có nói chỉ cần đặt tiệc với giá 1.500.000 đồng/bàn và cam kết sẽ đảm bảo chất lượng và số lượng cho tiệc cưới. Tuy nhiên, tại buổi tiệc cưới, số lượng thức ăn quá ít, không đảm bảo chất lượng nên khách mời chê trách. Khi đó, bà G và ông Đ1 đã đi khỏi buổi tiệc cưới nên vợ chồng ông Đ có phản ánh lại với nhân viên phục vụ. Vợ chồng ông Đ có liên lạc với bà G nhưng bà G nói bận công việc không vào được. Sau khi kết thúc buổi tiệc, vợ chồng ông Đ có mời bà G vào để nói chuyện nhưng bà G không nhận làm sai và ông Đ1 cũng không vào nói chuyện với vợ chồng ông Đ.

Ngày 08/6/2020, ông Đ có đơn phản tố yêu cầu ông Đ1 bồi thường thiệt hại về danh dự và nhân phẩm với số tiền 50.000.000 đồng nhưng đến ngày 22/7/2020 ông Đ xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố này.

Nay, ông Đ1 khởi kiện ông Đ, bà C thì vợ chồng ông Đ chỉ đồng ý trả 750.000 đồng/ 01 bàn tiệc.

Theo bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phú Thị C1, bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình C trình bày: Bà C1 là vợ ông Đ1, bà G, bà H, ông C là con ông Đ1; bà C1, bà G, bà H, ông C khai rằng số tiền mà ông Đ1 yêu cầu vợ chồng ông Đ phải trả là số tiền riêng của ông Đ1, không liên quan gì đến các ông bà.

- *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định như sau:*

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 24, Điều

27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Trần Văn Đ về việc yêu cầu ông Nguyễn Đình Đ1 phải bồi thường thiệt hại về danh dự và nhân phẩm số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Đ1 (Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Đình Đ1) về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” đối với ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị C.

Buộc ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đình Đ1 (Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Đình Đ1) số tiền 47.614.500đ (Bốn mươi bảy triệu sáu trăm mười bốn ngàn năm trăm đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Nội dung kháng cáo:

Ngày 19 tháng 9 năm 2020, ông Trần Văn Đ làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì giữa ông Trần Văn Đ và ông Nguyễn Đình Đ1 không có bất cứ giao dịch nào.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.
- Ông Trần Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý, các Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử tiến hành công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng. Trong quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Đ giữ nguyên án sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đình Đ1 (Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Đình Đ1) số tiền 47.614.500 (Bốn mươi bảy triệu, sáu trăm mười bốn ngàn, năm trăm) đồng. Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm chưa thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn, nên khi bị đơn rút yêu cầu mà cấp sơ thẩm tuyên đình chỉ là chưa đúng cần rút kinh nghiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Văn Đ đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng

dân sự nên hợp lệ. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đ:

Ngày 08/6/2020, ông Đ có đơn phản tố yêu cầu ông Đ1 phải bồi thường thiệt hại về danh dự và nhân phẩm với số tiền 50.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận được đơn về yêu cầu phản tố của bị đơn, ông Đ thuộc trường hợp miễn án phí nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thông báo yêu cầu ông Đ bà C nộp tiền tạm ứng án phí. Ông Đ, bà C chưa thực hiện nộp tiền tạm ứng án phí và Tòa án sơ thẩm chưa thực hiện các thủ tục yêu cầu phản tố theo Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự thì ngày 22/7/2020, ông Đ, bà C có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Trong trường hợp này, Tòa án sơ thẩm cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 192 BLTTDS để trả lại đơn phản tố cho ông Đ. Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận việc rút yêu cầu phản tố của ông Đ và đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu phản tố này là chưa đúng cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, nguyên đơn, bị đơn không có kháng cáo đối với nội dung này nên Tòa án phúc thẩm không xem xét.

[3] Xét kháng cáo của ông Trần Văn Đ:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ vẫn yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông Đ và ông Đ1 không có bất cứ giao dịch nào.

Xét ông Nguyễn Đình Đ1 được Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện X cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 49D8003207 có ngành nghề dịch vụ nấu ăn tiệc cưới nên ông Đ1 là chủ hộ kinh doanh Nhà hàng TG, có tư cách khởi kiện ông Đ, bà C.

Theo biên bản hòa giải tại ấp P ngày 02/5/2020 (BL 01) và bản tự khai của vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị C (BL 29) xác nhận: ngày 05/01/2020, Nhà hàng TG của ông Nguyễn Đình Đ1 (Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Đình Đ1) có tổ chức nấu ăn buổi tiệc cưới cho con trai ông Đ, bà C số lượng 30 bàn, giá mỗi bàn tiệc 1.500.000 đồng. Mặc dù hai bên không lập hợp đồng dịch vụ nấu ăn bằng văn bản nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, cả hai bên đều thừa nhận hộ kinh doanh ông Đ1 có nấu tiệc cưới cho gia đình ông Đ, bà C vào ngày 05/01/2020 nên đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Do đó, Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” là có căn cứ.

[3.2] Nội dung hợp đồng thể hiện công việc: hộ kinh doanh của ông Đ1 phải thực hiện cung cấp số lượng 30 bàn tiệc cưới, mỗi bàn 05 món, giá 1.500.000đ/bàn, địa điểm tổ chức tại nhà của ông Đ, hai bên không quy định cụ thể khối lượng của từng món. Ông Đ, bà C cũng thừa nhận vào ngày 05/01/2020 hộ kinh doanh ông Đ1 đã thực hiện nấu đãi tiệc đủ 30 bàn, mỗi bàn 05 món nhưng khối lượng từng món ít nên khách tham dự tiệc cưới chê trách. Do đó, có căn cứ để xác định hợp đồng dịch vụ nấu ăn giữa ông Đ1 và ông Đ, bà C đã hoàn thành. Việc ông Đ, bà C cho rằng hợp đồng dịch vụ không đảm bảo chất lượng, khối lượng như đã thỏa thuận nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ1 buộc ông Đ, bà C hoàn trả 45.000.000 đ và trả lãi suất chậm

trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tính đến ngày xét xử sơ thẩm 2.614.500 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Đ.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí sơ thẩm: Ông Đ1 khởi kiện được Tòa án chấp nhận yêu cầu nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cụ thể $47.614.500 \text{ đồng} \times 5\% = 2.380.725 \text{ đồng}$. Do ông Đ có đơn xin miễn án phí vì lý do người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên Hội đồng xét xử miễn án phí đối với ông Đ. Bà C phải chịu án phí $2.381.250 \text{ đồng} : 2 = 1.190.000 \text{ đồng}$.

Ông Đ1 được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5.2] Án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn Đ phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận, tuy nhiên ông Đ được miễn án phí do ông Đ là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Đ; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Áp dụng: Điều 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519 Bộ luật dân sự; Điều 12, 26, 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Đ1 (Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Đình Đ1) về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” đối với ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị C.

Buộc ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đình Đ1 (Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Đình Đ1) số tiền 47.614.500 (Bốn mươi bảy triệu, sáu trăm mười bốn ngàn, năm trăm) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị C phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 1.190.000 (Một triệu, một trăm chín mươi ngàn) đồng.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Đình Đ1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.204.000 đồng (Một triệu, hai trăm lẻ bốn ngàn) đồng theo biên lai thu số 0001363 ngày 14/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn Đ được miễn toàn bộ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND huyện X;
- VKSND huyện X,
- Chi cục THA DS huyện X;
- Các đương sự.
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Lệ Thủy